

Số: 5303 /QĐ-UBND

Nha Trang, ngày 12 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ xác nhận của Trưởng ban chỉ đạo ISO 9001:2008 thành phố Nha Trang về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Nha Trang về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thành phố Nha Trang (đối với Hệ thống do Văn phòng HĐND và UBND thành phố làm đầu mối) phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố, Thủ trưởng các cơ quan liên quan trong Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thành phố Nha Trang chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Toàn.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Danh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

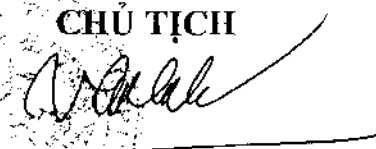
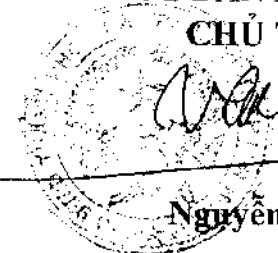
Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND thành phố Nha Trang phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với các lĩnh vực hoạt động.

(Theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số: 5303/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của UBND thành phố Nha Trang)

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

Nha Trang, ngày 12 tháng 12 năm 2016

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Danh

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA UBND THÀNH PHỐ NHA TRANG
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2008
(Quyết định số: 5319/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2016 của UBND thành phố Nha Trang)

I. Lĩnh vực Công thương:

1. Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;
2. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;
3. Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh;
4. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu;
5. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu;
6. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) rượu;
7. Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá;
8. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá;
9. Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán lẻ (hoặc đại lý bán lẻ) sản phẩm thuốc lá.

II. Lĩnh vực Xây dựng - Nhà ở:

1. Cấp giấy phép xây dựng công trình không theo tuyến;
2. Cấp giấy phép xây dựng công trình theo tuyến trong đô thị;
3. Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị;
4. Điều chỉnh giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị;
5. Gia hạn giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị;
6. Cấp lại giấy phép xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị;
7. Cấp giấy phép xây dựng tạm công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị;
8. Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo công trình, nhà ở riêng lẻ tại đô thị;
9. Cấp sao lục bản chính giấy phép xây dựng;
10. Lấy ý kiến của các cơ quan liên quan đối với quy trình thẩm định, phê duyệt dự án phát triển nhà ở công vụ do UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư (trường hợp được Chủ tịch UBND cấp tỉnh ủy quyền quyết định đầu tư đối với dự án dưới 30 tỷ đồng);
11. Lấy ý kiến của một số cơ quan liên quan khi thực hiện quy trình thẩm định, phê duyệt dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước có mức vốn dưới 30 tỷ đồng (không tính tiền sử dụng đất);
12. Lấy ý kiến của một số cơ quan liên quan khi thực hiện quy trình chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước có số lượng nhà ở dưới 500 căn;

13. Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện;
14. Tạm dừng thi công và cho phép tiếp tục thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện ;
15. Tiếp nhận báo cáo nhanh sự cố công trình xây dựng và quyết định cho phép thi công tiếp hoặc đưa vào sử dụng sau khi đã khắc phục sự cố thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện;
16. Phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở phục vụ tái định cư trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh;
17. Ra quyết định danh sách các hộ gia đình, cá nhân tái định cư được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh;
18. Thẩm định, phê duyệt dự án khu nhà ở phục vụ tái định cư, công trình nhà ở phục vụ tái định cư sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện;
19. Cấp giấy phép quy hoạch xây dựng cho dự án đầu tư xây dựng trong khu chức năng đặc thù thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện
20. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý;
21. Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng đặc thù thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý;
22. Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý;
23. Thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh trong phạm vi địa giới hành chính huyện quản lý;
24. Phê duyệt danh sách hộ gia đình có công được hỗ trợ về nhà ở (Điều 4 Thông tư 09);
25. Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định đầu tư;
26. Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
27. Thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
28. Chấp thuận bổ sung nội dung dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn ngân sách không phải từ ngân sách nhà nước (có số lượng nhà ở dưới 500 căn) đã được phê duyệt;
29. Chấp thuận đầu tư dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn không phải từ ngân sách nhà nước có số lượng nhà ở dưới 500 căn;

30. Thẩm định, phê duyệt dự án phát triển nhà ở bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước có mức vốn dưới 30 tỷ đồng (không tính tiền sử dụng đất);

31. Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của UBND thành phố thuộc tỉnh, thị xã, quận, huyện quản lý.

III. Lĩnh vực Giao thông vận tải:

1. Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố không vào mục đích giao thông để thực hiện: Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; điếm trông, giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; điếm trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình.

2. Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường không vào mục đích giao thông đối với: Điếm trông, giữ xe ô tô phục vụ các hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành, lễ hội; điếm trung chuyển rác thải sinh hoạt của doanh nghiệp vệ sinh môi trường đô thị.

3. Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần hè phố, lòng đường để trông, giữ xe có thu phí.

4. Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường, lề đường - hè phố trong đô thị làm nơi tập kết tạm thời để trung chuyển hàng hóa; để vật liệu xây dựng, vật tư, thiết bị phục vụ thi công hạ tầng kỹ thuật, sửa chữa công trình;

5. Cấp giấy phép sử dụng tạm thời một phần lòng đường lề đường - hè phố: Làm bãi đỗ xe, giữ xe công cộng tạm thời phục vụ nhu cầu kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân; sử dụng tạm thời một phần hè phố làm nơi kinh doanh, buôn bán cho hộ gia đình và cá nhân; bố trí ki ốt tạm thời, lắp đặt tạm thời các biển hiệu, biển quảng cáo, mái che, mái che di động phục vụ nhu cầu kinh doanh, lễ hội, hoạt động du lịch, bu chính, viễn thông;

6. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa chưa khai thác không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

7. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa đang khai thác không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

8. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

9. Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

10. Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

11. Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

12. Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

13. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người;

14. Xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa đối với phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 tấn đến 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 người đến 12 người, phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính đến 15 sức ngựa hoặc có sức chở đến 12 người.

IV. Lĩnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

1. Cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

2. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

3. Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình;

4. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

5. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

6. Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình;

7. Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản;

8. Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 1.000 bản đến dưới 2.000 bản;

9. Công nhận lần đầu “Phường, Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị”;

10. Công nhận lại “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới” ;
11. Công nhận lần đầu “Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới”;
12. Công nhận “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương;
13. Công nhận “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa” và tương đương;
14. Công nhận lần đầu “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”;
15. Cấp giấy phép kinh doanh karaoke.

V. Lĩnh vực Viễn thông và Internet

1. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;
2. Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;
3. Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng;
4. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng.

VI. Lĩnh vực Xuất bản:

1. Khai báo hoạt động cơ sở dịch vụ photocopy;
2. Thay đổi thông tin khai báo dịch vụ photocopy;

VII. Lĩnh vực Nội vụ:

1. Chấp thuận việc tổ chức quyên góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo vượt ra ngoài phạm vi một xã nhưng trong phạm vi một huyện;
2. Chấp thuận việc giảng đạo, truyền đạo của chức sắc, nhà tu hành ngoài cơ sở tôn giáo;
3. Chấp thuận việc tổ chức cuộc lễ diễn ra ngoài cơ sở tôn giáo có sự tham gia của tín đồ trong phạm vi một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
4. Chấp thuận tổ chức hội nghị thường niên, đại hội của tổ chức tôn giáo cơ sở;
5. Chấp thuận hoạt động tôn giáo ngoài chương trình đăng ký hàng năm có sự tham gia của tín đồ trong huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
6. Đăng ký chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành;
7. Thông báo chuyển nơi hoạt động tôn giáo của chức sắc, nhà tu hành;
8. Đăng ký dòng tu, tu viện hoặc các tổ chức tu hành tập thể khác có phạm vi hoạt động trong một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
9. Đăng ký hội đoàn tôn giáo có phạm vi hoạt động trong một huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
10. Tặng giấy khen cho tập thể (ngoài khu vực nhà nước);
11. Tặng giấy khen cho cá nhân (ngoài khu vực nhà nước);

12. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng đối ngoại;
13. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích đột xuất;
14. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề;
15. Tặng danh hiệu Lao động tiên tiến;
16. Tặng Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở;
17. Tặng Danh hiệu thôn, ấp, bản, làng, khu phố văn hóa;
18. Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến;
19. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thực hiện nhiệm vụ chính trị;
20. Công nhận ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong huyện, xã;
21. Công nhận Ban vận động thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn.
22. Cho phép thành lập hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn;
23. Phê duyệt Điều lệ hội và công nhận Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra (khi Hội có đề nghị công nhận) đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn;
24. Công nhận Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn (khi Hội có đề nghị) nhưng không đề nghị phê duyệt Điều lệ hội (không sửa đổi, bổ sung Điều lệ hội);
25. Cho phép đổi tên hội và phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn;
26. Cho phép giải thể hội đối với hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn tự giải thể;
27. Cho phép chia, tách, sáp nhập, hợp nhất các tổ chức hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn;
28. Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của Hội có phạm vi hoạt động trong xã, phường, thị trấn;
29. Cho phép thành lập cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện;
30. Cho phép thay đổi Giám đốc cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện;
31. Cho phép thay đổi trụ sở cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện;
32. Cho phép thay đổi tên cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện;
33. Cho phép thay đổi Quy chế hoạt động cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện;
34. Cho phép giải thể cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập hoạt động trên phạm vi cấp huyện;

35. Cấp giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn;
36. Cho phép thay đổi giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quy đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn;
37. Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận Điều lệ quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn;
38. Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/ phường/thị trấn;
39. Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn;
40. Cho phép quỹ được đổi tên và công nhận Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn;
41. Cho phép quỹ được hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn;
42. Cho phép giải thể quỹ trong trường hợp quỹ tự giải thể đối với quỹ có phạm vi hoạt động trong huyện/thị xã/thành phố, xã/phường/thị trấn.

VIII. Lĩnh vực Tư pháp:

1. Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản;
2. Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản;
3. Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản;
4. Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp;
5. Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp;
6. Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực;
7. Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch;
8. Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch;
9. Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được);
10. Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận;
11. Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận;
12. Cấp bản sao từ sổ gốc;
13. Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài;
14. Đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài;

15. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài;
16. Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài;
17. Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân;
18. Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài;
19. Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài;
20. Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài;
21. Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài;
22. Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài;
23. Đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài;
24. Cấp bản sao trích lục hộ tịch;
25. Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc;
26. Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch);
27. Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài;
28. Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

IX. Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư

1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh;
2. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh;
3. Đăng ký tạm ngừng kinh doanh của hộ kinh doanh;
4. Giải thể hộ kinh doanh;
5. Đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã;
6. Đăng ký kinh doanh đối với hợp tác xã chuyên đổi;
7. Đăng ký thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện trực thuộc hợp tác xã;
8. Đăng ký thay đổi, bổ sung ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã;
9. Đăng ký thay đổi nơi đăng ký của hợp tác xã;
10. Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã;
11. Đăng ký đổi tên hợp tác xã;
12. Đăng ký thay đổi số lượng xã viên của hợp tác xã;
13. Đăng ký thay đổi vốn điều lệ hợp tác xã;
14. Đăng ký Điều lệ Hợp tác xã sửa đổi;
15. Đăng ký kinh doanh Hợp tác xã khi chia;

16. Đăng ký kinh doanh Hợp tác xã khi tách;
17. Đăng ký kinh doanh Hợp tác xã khi hợp nhất;
18. Đăng ký kinh doanh Hợp tác xã khi sáp nhập;
19. Đăng ký tạm ngưng kinh doanh hợp tác xã;
20. Đăng ký cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do mất, cháy... đối với hợp tác xã, Chi nhánh/Văn phòng đại diện hợp tác xã;
21. Giải thể hợp tác xã;
22. Giải thể Chi nhánh, chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện hợp tác xã;
23. Thỏa thuận địa điểm đầu tư đối với những dự án không phải xin ý kiến của UBND tỉnh và các bộ ngành trung ương;
24. Thỏa thuận địa điểm đầu tư đối với những dự phải xin ý kiến của UBND tỉnh;
25. Thỏa thuận địa điểm đầu tư đối với những dự phải xin ý kiến của các bộ ngành trung ương;
26. Thỏa thuận địa điểm lập các thủ tục đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

X. Lĩnh vực Tài chính

1. Thẩm định và thông báo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm của UBND cấp huyện.

XI. Lĩnh vực Tài nguyên Môi trường

1. Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch ủy ban nhân cấp huyện;
2. Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam;
3. Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, thu hồi đất ở của người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam;
4. Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với hộ gia đình, cá nhân;
5. Thẩm định nhu cầu sử dụng đất để xem xét giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư;
6. Giao đất, cho thuê đất cho hộ gia đình, cá nhân; giao đất cho cộng đồng dân cư đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất;
7. Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường;
8. Đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

XII. Lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội;
2. Trợ cấp đột xuất cho đối tượng bảo trợ xã hội;
3. Chấm dứt hưởng trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội;
4. Điều chỉnh mức trợ cấp thường xuyên cho đối tượng bảo trợ xã hội;
5. Giải quyết hỗ trợ kinh phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội;
6. Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
7. Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
8. Trợ cấp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội;
9. Hoãn , miễn chấp hành quyết định đưa vào cơ sở dạy nghề và giải quyết việc làm đối với người không tự nguyện nhưng có khả năng tái nghiệp cao;
10. Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh;
11. Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết;
12. Giải quyết chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ;
13. Giải quyết chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế ở Căm-pu-chi-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;
14. Trợ cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng;
15. Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ;
16. Hỗ trợ di chuyển hài cốt liệt sĩ;
17. Hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sĩ;
18. Trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia nước bạn Lào, Campuchia;
19. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ chính sách của Đảng và Nhà nước;
20. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ hưởng chế độ bảo hiểm y tế đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước;

21. Giải quyết hưởng chế độ một lần đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước, hiện đã về gia đình;
22. Xác nhận người có công để miễn giảm thuế sử dụng đất lần đầu;
23. Hỗ trợ kinh phí cho Bà mẹ Việt Nam anh hùng, bố mẹ liệt sĩ thọ 80 tuổi trở lên;
24. Cấp lại Sổ lĩnh tiền trợ cấp ưu đãi hàng tháng cho người có công;
25. Hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà cho người có công cách mạng;
26. Đổi hoặc cấp lại “Bằng Tổ quốc ghi công”;
27. Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sĩ;
28. Mua bảo hiểm y tế cho người có công;
29. Hồ sơ hưởng mai táng phí và trợ cấp một lần cho người có công cách mạng;
30. Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần;
31. Giải quyết chế độ ưu đãi người có công giúp đỡ cách mạng;
32. Hồ sơ giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế;
33. Xác nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
34. Hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và con đẻ của họ;
35. Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;
36. Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp truy tặng hoặc tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”;
37. Xét duyệt và đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”;
38. Xác nhận và giải quyết chế độ thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.

XIII. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn

1. Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại;
2. Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại;
3. Cấp giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV;
4. Cấp gia hạn giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV;
5. Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV;
6. Cấp đổi giấy phép khai thác thủy sản cho tàu cá dưới 20CV;
7. Đăng ký xã đạt chuẩn nông thôn mới;

8. Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh;

9. Bố trí ổn định dân cư trong huyện.

XIV. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

1. Thành lập nhà trường, nhà trẻ;

2. Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ;

3. Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ;

4. Giải thể hoạt động nhà trường, nhà trẻ;

5. Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ tư thục;

6. Cho phép hoạt động giáo dục nhà trường, nhà trẻ tư thục;

7. Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ tư thục;

8. Giải thể nhà trường, nhà trẻ tư thục;

9. Cho phép thành lập nhà trường, nhà trẻ dân lập;

10. Cho phép nhà trường, nhà trẻ dân lập hoạt động giáo dục;

11. Sáp nhập, chia tách nhà trường, nhà trẻ dân lập;

12. Giải thể nhà trường, nhà trẻ dân lập;

13. Thành lập, cho phép thành lập trường tiểu học;

14. Cho phép hoạt động giáo dục trường tiểu học;

15. Sáp nhập, chia tách trường tiểu học;

16. Giải thể trường tiểu học;

17. Thành lập, cho phép thành lập trường trung học cơ sở;

18. Cho phép hoạt động giáo dục trường trung học cơ sở;

19. Sáp nhập, chia tách trường trung học cơ sở;

20. Giải thể trường trung học cơ sở;

21. Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non công lập;

22. Chuyển đổi cơ sở giáo dục mầm non bán công sang cơ sở giáo dục mầm non dân lập;

23. Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia;

24. Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia;

25. Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng tại xã, phường, thị trấn;

26. Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã;

27. Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học cơ sở;

28. Xét cấp hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo ba và bốn tuổi;

29. Công nhận phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi đối với đơn vị cấp cơ sở;
30. Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;
31. Cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non;
32. Công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu;
33. Chuyển trường đối với học sinh tiểu học;
34. Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở;
35. Thuyên chuyển đối tượng học bổ túc THCS;
36. Tiếp nhận đối tượng học bổ túc trung học cơ sở.

XV. Lĩnh vực Y tế

1. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
2. Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện;
3. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện.

Tổng cộng: 266 thủ tục hành chính.